Số: 838/SGDĐT-GDTrH
Thời gian ký: 25/03/2021 11:02:17 +07:00

Phụ lục 1

LỊCH KIỂM TRA CUỐI KÌ II LỚP 9 THCS
NĂM HỌC 2020-2021

(Kèm theo Công văn số /SGDĐT-GDTrH ngày /3/2021 của Sở GDĐT)

SÁNG THỨ HAI 19/4/2021	**SÁNG THỨ BA 20/4/2021**	**SÁNG THỨ NĂM 22/4/2021**	**SÁNG THỨ SÁU 23/4/2021**
Môn **NGỮ VĂN** *Thời gian làm bài: 90 phút* ***(từ 7 giờ 30 đến 9 giờ 00)***	Môn **TOÁN** *Thời gian làm bài: 90 phút* ***(từ 7 giờ 30 đến 9 giờ 00)***	Môn **VẬT LÍ** *Thời gian làm bài: 45 phút* ***(từ 7 giờ 30 đến 8 giờ 15)***	Môn **HÓA HỌC** *Thời gian làm bài: 45 phút* ***(từ 7 giờ 30 đến 8 giờ 15)***
Môn **ĐỊA LÍ** *Thời gian làm bài: 45 phút* ***(từ 9 giờ 45 đến 10 giờ 30)***	Môn **LỊCH SỬ** *Thời gian làm bài: 45 phút* ***(từ 9 giờ 45 đến 10 giờ 30)***	Môn **SINH HỌC** *Thời gian làm bài: 45 phút* ***(từ 9 giờ 00 đến 9 giờ 45)***	Môn **TIẾNG ANH** *Thời gian làm bài: 45 phút* ***(từ 9 giờ 00 đến 9 giờ 45)***

uyenkhuyen-25/03/2021 13:45:06 thcsnguyenkhuyen-thcsnguyenkhuyen-thcsnguyenkh

Phụ lục 2

LỊCH KIỂM TRA CUỐI KÌ II LỚP 12 THPT
NĂM HỌC 2020-2021

(Kèm theo Công văn số /SGDĐT-GDTrH ngày /3/2021 của Sở GDĐT)

SÁNG THỨ HAI 19/4/2021	**SÁNG THỨ BA 20/4/2021**	**SÁNG THỨ NĂM 22/4/2021**	**SÁNG THỨ SÁU 23/4/2021**	**SÁNG THỨ BẢY 24/4/2021**
Môn **NGỮ VĂN** *Thời gian làm bài: 90 phút* ***(từ 7 giờ 30 đến 9 giờ 00)***	Môn **TOÁN** *Thời gian làm bài: 90 phút* ***(từ 7 giờ 30 đến 9 giờ 00)***	Môn **VẬT LÍ** *Thời gian làm bài: 45 phút* ***(từ 7 giờ 30 đến 8 giờ 15)***	Môn **HÓA HỌC** *Thời gian làm bài: 45 phút* ***(từ 7 giờ 30 đến 8 giờ 15)***	Môn **GIÁO DỤC CÔNG DÂN** *Thời gian làm bài: 45 phút* ***(từ 7 giờ 30 đến 8 giờ 15)***
Môn **ĐỊA LÍ** *Thời gian làm bài: 45 phút* ***(từ 9 giờ 45 đến 10 giờ 30)***	Môn **LỊCH SỬ** *Thời gian làm bài: 45 phút* ***(từ 9 giờ 45 đến 10 giờ 30)***	Môn **SINH HỌC** *Thời gian làm bài: 45 phút* ***(từ 9 giờ 00 đến 9 giờ 45)***	Môn **TIẾNG ANH** *Thời gian làm bài: 45 phút* ***(từ 9 giờ 00 đến 9 giờ 45)***	

guyenkhuyen-25/03/2021 15:45:06-thcsnguyenkhuyen-thcsnguyenkhuyen-thcsnguyenkhuyen-thcsnguyenkh

Phụ lục 3

BẢNG DANH SÁCH MÃ TRƯỜNG HỌC

(Kèm theo Công văn số /SGDĐT-GDTrH ngày /3/2021 của Sở GDĐT)

STT	Mã Trường	Tên trường
1	01	THPT Nguyễn Hiền
2	02	THPT Phan Châu Trinh
3	03	THPT Trần Phú
4	05	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
5	07	THPT Thái Phiên
6	09	THPT Quang Trung
7	10	THPT Hoàng Hoa Thám
8	11	THPT Ngô Quyền
9	14	THPT Ngũ Hành Sơn
10	16	PT Hermann Gmeiner
11	17	THPT Nguyễn Trãi
12	20	THPT Hòa Vang
13	21	THPT Phan Thành Tài
14	22	THPT Ông Ích Khiêm
15	23	THPT Phạm Phú Thứ
16	26	THPT Nguyễn Thượng Hiền
17	27	THPT Tôn Thất Tùng
18	28	THPT Thanh Khê
19	29	THPT Cẩm Lệ
20	30	THPT Liên Chiểu
21	31	THPT Hiển Nhân
22	32	THPT Võ Chí Công
23	34	TT GDTX Số 1
24	35	TT GDTX Số 2
25	36	TT GDTX Số 3
26	37	THPT Skyline
27	39	THPT Sơn Trà
28	40	THPT FPT
29	41	THCS và THPT Nguyễn Khuyến
30	42	THPT Khai Trí

thcsnguyenkhuyen-thcsnguyenkhuyen-thcsnguyenkhuyen-thcsnguyenkhuyen-25/03/2021 13:45:06-thcsnguyenkhuyen

Phụ lục 4

DANH SÁCH HỌC SINH THAM GIA KIỂM TRA CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2020-2021

(Kèm theo Công văn số /SGDĐT-GDTrH ngày /3/2021 của Sở GDĐT)

STT	Mã trường	Số báo danh	Họ tên học sinh	Lớp	Tên trường
1	11	110001	Nguyễn Thị A	12/1	THPT Ngô Quyền
2	11	110002	Nguyễn Thị B	12/2	THPT Ngô Quyền
3	11	110003	Lê Văn C	12/2	THPT Ngô Quyền

535	11	110535	Lê Anh Xuân	12/13	THPT Ngô Quyền

Danh sách này có 535 học sinh./.

Lưu ý:

- Các trường lập danh sách này trên Excel và gửi về Sở GDĐT trước ngày kiểm tra (qua email phongktkd.sodanang@moet.edu.vn);

- Mã trường là 02 số đầu tiên của số báo danh, 04 chữ số sau sẽ bắt đầu từ 0001 đến xxxx; xxxx là số học sinh của trường nếu trường có từ 1000 học sinh 12 trở lên, đối với trường có dưới 1000 học sinh thì các chữ xx đầu là số 0.

thcsnguyenkhuyen-25/03/2021 13:45:06-thcsnguyenkhuyen-thcsnguyenkhuyen-thcsnguyenkhuyen